

Pool # 1	Strip #	Time	Referee(s)
--------------------	---------	------	------------



Pool ID #363

		1	2	3	4	5	6	7	V	TS	TR	Ind	PI
金村, 航 徳島文理	1		D0	D1	D1	D1	V5	V5	2	13	20	-7	4
村上, 日陽 龍谷大学付属平安高校・中学校	2	V5		V5	V5	V5	V5	V5	6	30	0	+30	1
北嶋, 然 京都市立	3	V5	D0		D0	D0	V5	D1	2	11	23	-12	6
中坪, 叶 県立高松北中学校	4	V5	D0	V5		D3	V5	V5	4	23	13	+10	3
竹山, 悠仁 県立向陽中・高校	5	V5	D0	V5	V5		V5	V5	5	25	12	+13	2
瀧口, 創介 和歌山JRF.C	6	D0	D0	D2	D0	D0		D3	0	5	30	-25	7
田中, 雄理 エスコラピオス学園海星中学校	7	D0	D0	V5	D2	D3	V5		2	15	24	-9	5

Standard bout order (21 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 4	金村, 航 vs. 中坪, 叶	D1 - V5	
2	2 vs. 5	村上, 日陽 vs. 竹山, 悠仁	V5 - D0	
3	3 vs. 6	北嶋, 然 vs. 瀧口, 創介	V5 - D2	
4	7 vs. 1	田中, 雄理 vs. 金村, 航	D0 - V5	
5	5 vs. 4	竹山, 悠仁 vs. 中坪, 叶	V5 - D3	
6	2 vs. 3	村上, 日陽 vs. 北嶋, 然	V5 - D0	
7	6 vs. 7	瀧口, 創介 vs. 田中, 雄理	D3 - V5	
8	5 vs. 1	竹山, 悠仁 vs. 金村, 航	V5 - D1	
9	4 vs. 3	中坪, 叶 vs. 北嶋, 然	V5 - D0	
10	6 vs. 2	瀧口, 創介 vs. 村上, 日陽	D0 - V5	
11	5 vs. 7	竹山, 悠仁 vs. 田中, 雄理	V5 - D3	
12	3 vs. 1	北嶋, 然 vs. 金村, 航	V5 - D1	
13	4 vs. 6	中坪, 叶 vs. 瀧口, 創介	V5 - D0	
14	7 vs. 2	田中, 雄理 vs. 村上, 日陽	D0 - V5	
15	3 vs. 5	北嶋, 然 vs. 竹山, 悠仁	D0 - V5	
16	1 vs. 6	金村, 航 vs. 瀧口, 創介	V5 - D0	
17	2 vs. 4	村上, 日陽 vs. 中坪, 叶	V5 - D0	
18	7 vs. 3	田中, 雄理 vs. 北嶋, 然	V5 - D1	
19	6 vs. 5	瀧口, 創介 vs. 竹山, 悠仁	D0 - V5	
20	1 vs. 2	金村, 航 vs. 村上, 日陽	D0 - V5	
21	4 vs. 7	中坪, 叶 vs. 田中, 雄理	V5 - D2	

Referee: _____ Scorekeeper: _____

Pool # 2	Strip #	Time	Referee(s)
--------------------	---------	------	------------



Pool ID #364

		1	2	3	4	5	6	7	V	TS	TR	Ind	PI
前田, 竜成 乙訓高校	1		V5	V5	V5	V5	V5	V5	6	30	11	+19	1
石田, 望晟 立教新座中学校	2	D0		V5	D2	D3	V5	V5	3	20	24	-4	4
奥山, 壘 県立高松北中学校	3	D1	D4		D2	D3	V5	V5	2	20	20	0	5
前田, 将志 NOVA FENCING TEAM	4	D4	V5	V5		V5	V5	V5	5	29	15	+14	2
山本, 楓己 県立向陽中・高校	5	D2	V5	V5	D2		V5	D4	3	23	23	0	3
久岡, 航大 徳島文理	6	D4	D2	D0	D1	D2		V5	1	14	25	-11	6
久保, 幸大 滋賀JFC	7	D0	D3	D0	D3	V5	D0		1	11	29	-18	7

Standard bout order (21 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 4	前田, 竜成 vs. 前田, 将志	V5 - D4	
2	2 vs. 5	石田, 望晟 vs. 山本, 楓己	D3 - V5	
3	3 vs. 6	奥山, 壘 vs. 久岡, 航大	V5 - D0	
4	7 vs. 1	久保, 幸大 vs. 前田, 竜成	D0 - V5	
5	5 vs. 4	山本, 楓己 vs. 前田, 将志	D2 - V5	
6	2 vs. 3	石田, 望晟 vs. 奥山, 壘	V5 - D4	
7	6 vs. 7	久岡, 航大 vs. 久保, 幸大	V5 - D0	
8	5 vs. 1	山本, 楓己 vs. 前田, 竜成	D2 - V5	
9	4 vs. 3	前田, 将志 vs. 奥山, 壘	V5 - D2	
10	6 vs. 2	久岡, 航大 vs. 石田, 望晟	D2 - V5	
11	5 vs. 7	山本, 楓己 vs. 久保, 幸大	D4 - V5	
12	3 vs. 1	奥山, 壘 vs. 前田, 竜成	D1 - V5	
13	4 vs. 6	前田, 将志 vs. 久岡, 航大	V5 - D1	
14	7 vs. 2	久保, 幸大 vs. 石田, 望晟	D3 - V5	
15	3 vs. 5	奥山, 壘 vs. 山本, 楓己	D3 - V5	
16	1 vs. 6	前田, 竜成 vs. 久岡, 航大	V5 - D4	
17	2 vs. 4	石田, 望晟 vs. 前田, 将志	D2 - V5	
18	7 vs. 3	久保, 幸大 vs. 奥山, 壘	D0 - V5	
19	6 vs. 5	久岡, 航大 vs. 山本, 楓己	D2 - V5	
20	1 vs. 2	前田, 竜成 vs. 石田, 望晟	V5 - D0	
21	4 vs. 7	前田, 将志 vs. 久保, 幸大	V5 - D3	

Referee: _____ Scorekeeper: _____

Pool # 3	Strip #	Time	Referee(s)
--------------------	---------	------	------------



Pool ID #365

		1	2	3	4	5	6	V	TS	TR	Ind	PI
門脇, 依吹 エスロピオス学園海星中学校	1		V5	V5	D0	V5	D1	3	16	11	+5	3
山口, 司真 徳島文理	2	D0		D1	D0	V5	D0	1	6	23	-17	5
種田, 翔 県立安来高校	3	D0	V5		D0	V5	D2	2	12	18	-6	4
田代, 圭 NEXUS FENCING CLUB	4	V5	V5	V5		V5	V5	5	25	0	+25	1
大谷, 優仁 松江FC	5	D1	D3	D2	D0		D0	0	6	25	-19	6
古市, 冬真 龍谷大学付属平安高校・中学校	6	V5	V5	V5	D0	V5		4	20	8	+12	2

Standard bout order (15 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 2	門脇, 依吹 vs. 山口, 司真	V5 - D0	
2	4 vs. 3	田代, 圭 vs. 種田, 翔	V5 - D0	
3	6 vs. 5	古市, 冬真 vs. 大谷, 優仁	V5 - D0	
4	3 vs. 1	種田, 翔 vs. 門脇, 依吹	D0 - V5	
5	2 vs. 6	山口, 司真 vs. 古市, 冬真	D0 - V5	
6	5 vs. 4	大谷, 優仁 vs. 田代, 圭	D0 - V5	
7	1 vs. 6	門脇, 依吹 vs. 古市, 冬真	D1 - V5	
8	3 vs. 5	種田, 翔 vs. 大谷, 優仁	V5 - D2	
9	4 vs. 2	田代, 圭 vs. 山口, 司真	V5 - D0	
10	5 vs. 1	大谷, 優仁 vs. 門脇, 依吹	D1 - V5	
11	6 vs. 4	古市, 冬真 vs. 田代, 圭	D0 - V5	
12	2 vs. 3	山口, 司真 vs. 種田, 翔	D1 - V5	
13	1 vs. 4	門脇, 依吹 vs. 田代, 圭	D0 - V5	
14	5 vs. 2	大谷, 優仁 vs. 山口, 司真	D3 - V5	
15	3 vs. 6	種田, 翔 vs. 古市, 冬真	D2 - V5	

Referee: _____ Scorekeeper: _____

第36回西日本フェンシング選手権大会
 Cadet Men's Foil
 Round #1
 2024/02/11

Pool # 4	Strip #	Time	Referee(s)
--------------------	---------	------	------------



Pool ID #366

		1	2	3	4	5	6	V	TS	TR	Ind	PI
木原, 悠杏 和歌山北高校	1		D1	V5	D3	D3	D3	1	15	24	-9	4
村田, 碧翔 鳥取JR.FC	2	V5		V5	V5	V5	V5	5	25	3	+22	1
神田, 優太 エスコラピオス学園海星中学校	3	D4	D0		D1	V5	D0	1	10	23	-13	5
室星, 雅 愛工大名電	4	V5	D0	V5		V5	V5	4	20	13	+7	2
吉田, 朔都 和歌山JR.FC	5	V5	D0	D3	D1		D0	1	9	23	-14	6
高島, 健 徳島文理	6	V5	D2	V5	D3	V5		3	20	13	+7	3

Standard bout order (15 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 2	木原, 悠杏 vs. 村田, 碧翔	D1 - V5	
2	4 vs. 3	室星, 雅 vs. 神田, 優太	V5 - D1	
3	6 vs. 5	高島, 健 vs. 吉田, 朔都	V5 - D0	
4	3 vs. 1	神田, 優太 vs. 木原, 悠杏	D4 - V5	
5	2 vs. 6	村田, 碧翔 vs. 高島, 健	V5 - D2	
6	5 vs. 4	吉田, 朔都 vs. 室星, 雅	D1 - V5	
7	1 vs. 6	木原, 悠杏 vs. 高島, 健	D3 - V5	
8	3 vs. 5	神田, 優太 vs. 吉田, 朔都	V5 - D3	
9	4 vs. 2	室星, 雅 vs. 村田, 碧翔	D0 - V5	
10	5 vs. 1	吉田, 朔都 vs. 木原, 悠杏	V5 - D3	
11	6 vs. 4	高島, 健 vs. 室星, 雅	D3 - V5	
12	2 vs. 3	村田, 碧翔 vs. 神田, 優太	V5 - D0	
13	1 vs. 4	木原, 悠杏 vs. 室星, 雅	D3 - V5	
14	5 vs. 2	吉田, 朔都 vs. 村田, 碧翔	D0 - V5	
15	3 vs. 6	神田, 優太 vs. 高島, 健	D0 - V5	

Referee: _____ Scorekeeper: _____

Pool # 5	Strip #	Time	Referee(s)
--------------------	---------	------	------------



Pool ID #367

		1	2	3	4	5	6	V	TS	TR	Ind	PI
萩原, 望 明石JR.FC	1		D1	D0	V5	D1	D1	1	8	21	-13	5
本田, 悠一朗 徳島文理	2	V5		D2	V5	D1	D2	2	15	16	-1	4
田中, 遼大 鳥取JR.FC	3	V5	V5		V5	V5	V5	5	25	9	+16	1
杉野, 一颯 エスコラピオス学園海星中学校	4	D1	D0	D0		D1	D1	0	3	25	-22	6
曾根, 邦盛 レ・フレール愛媛	5	V5	V5	D3	V5		V5	4	23	11	+12	2
渡辺, 裕 河南町FC	6	V5	V5	D4	V5	D3		3	22	14	+8	3

Standard bout order (15 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 2	萩原, 望 vs. 本田, 悠一朗	D1 - V5	
2	4 vs. 3	杉野, 一颯 vs. 田中, 遼大	D0 - V5	
3	6 vs. 5	渡辺, 裕 vs. 曾根, 邦盛	D3 - V5	
4	3 vs. 1	田中, 遼大 vs. 萩原, 望	V5 - D0	
5	2 vs. 6	本田, 悠一朗 vs. 渡辺, 裕	D2 - V5	
6	5 vs. 4	曾根, 邦盛 vs. 杉野, 一颯	V5 - D1	
7	1 vs. 6	萩原, 望 vs. 渡辺, 裕	D1 - V5	
8	3 vs. 5	田中, 遼大 vs. 曾根, 邦盛	V5 - D3	
9	4 vs. 2	杉野, 一颯 vs. 本田, 悠一朗	D0 - V5	
10	5 vs. 1	曾根, 邦盛 vs. 萩原, 望	V5 - D1	
11	6 vs. 4	渡辺, 裕 vs. 杉野, 一颯	V5 - D1	
12	2 vs. 3	本田, 悠一朗 vs. 田中, 遼大	D2 - V5	
13	1 vs. 4	萩原, 望 vs. 杉野, 一颯	V5 - D1	
14	5 vs. 2	曾根, 邦盛 vs. 本田, 悠一朗	V5 - D1	
15	3 vs. 6	田中, 遼大 vs. 渡辺, 裕	V5 - D4	

Referee: _____ Scorekeeper: _____

Pool # 6	Strip #	Time	Referee(s)
--------------------	---------	------	------------



Pool ID #368

		1	2	3	4	5	6	V	TS	TR	Ind	PI
川, 悠汰 県立高松北中学校	1		V5	V5	V5	D2	V5	4	22	11	+11	2
上野, 翔大 県立向陽中・高校	2	D3		V5	V5	D2	V5	3	20	22	-2	3
宮田, 凌玖 立教新座中学校	3	D1	D4		V5	D1	V5	2	16	18	-2	4
辻, 健太郎 和歌山北高校	4	D0	D4	D1		D1	D1	0	7	25	-18	6
河邊, 大晟 京都市きつづ	5	V5	V5	V5	V5		V5	5	25	7	+18	1
南山, 昂輝 エスコーピオス学園海星中学校	6	D2	D4	D2	V5	D1		1	14	21	-7	5

Standard bout order (15 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 2	川, 悠汰 vs. 上野, 翔大	V5 - D3	
2	4 vs. 3	辻, 健太郎 vs. 宮田, 凌玖	D1 - V5	
3	6 vs. 5	南山, 昂輝 vs. 河邊, 大晟	D1 - V5	
4	3 vs. 1	宮田, 凌玖 vs. 川, 悠汰	D1 - V5	
5	2 vs. 6	上野, 翔大 vs. 南山, 昂輝	V5 - D4	
6	5 vs. 4	河邊, 大晟 vs. 辻, 健太郎	V5 - D1	
7	1 vs. 6	川, 悠汰 vs. 南山, 昂輝	V5 - D2	
8	3 vs. 5	宮田, 凌玖 vs. 河邊, 大晟	D1 - V5	
9	4 vs. 2	辻, 健太郎 vs. 上野, 翔大	D4 - V5	
10	5 vs. 1	河邊, 大晟 vs. 川, 悠汰	V5 - D2	
11	6 vs. 4	南山, 昂輝 vs. 辻, 健太郎	V5 - D1	
12	2 vs. 3	上野, 翔大 vs. 宮田, 凌玖	V5 - D4	
13	1 vs. 4	川, 悠汰 vs. 辻, 健太郎	V5 - D0	
14	5 vs. 2	河邊, 大晟 vs. 上野, 翔大	V5 - D2	
15	3 vs. 6	宮田, 凌玖 vs. 南山, 昂輝	V5 - D2	

Referee: _____ Scorekeeper: _____

Pool # 7	Strip #	Time	Referee(s)
--------------------	---------	------	------------



Pool ID #369

		1	2	3	4	5	6	V	TS	TR	Ind	PI
森本, 凌成 松山JR.FC	1		D1	V5	D1	D4	D1	1	12	21	-9	5
本岡, 瑛翔 KIAFC	2	V5		V5	D2	V5	D2	3	19	15	+4	3
早野, 翔貴 徳島文理	3	D1	D1		D0	D1	D4	0	7	25	-18	6
村田, 煌冴 県立安来高校	4	V5	V5	V5		V5	V5	5	25	8	+17	1
平野, 陽丈 龍谷大学付属平安高校・中学校	5	V5	D3	V5	D1		D2	2	16	20	-4	4
高橋, 希 安来FC	6	V5	V5	V5	D4	V5		4	24	14	+10	2

Standard bout order (15 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 2	森本, 凌成 vs. 本岡, 瑛翔	D1 - V5	
2	4 vs. 3	村田, 煌冴 vs. 早野, 翔貴	V5 - D0	
3	6 vs. 5	高橋, 希 vs. 平野, 陽丈	V5 - D2	
4	3 vs. 1	早野, 翔貴 vs. 森本, 凌成	D1 - V5	
5	2 vs. 6	本岡, 瑛翔 vs. 高橋, 希	D2 - V5	
6	5 vs. 4	平野, 陽丈 vs. 村田, 煌冴	D1 - V5	
7	1 vs. 6	森本, 凌成 vs. 高橋, 希	D1 - V5	
8	3 vs. 5	早野, 翔貴 vs. 平野, 陽丈	D1 - V5	
9	4 vs. 2	村田, 煌冴 vs. 本岡, 瑛翔	V5 - D2	
10	5 vs. 1	平野, 陽丈 vs. 森本, 凌成	V5 - D4	
11	6 vs. 4	高橋, 希 vs. 村田, 煌冴	D4 - V5	
12	2 vs. 3	本岡, 瑛翔 vs. 早野, 翔貴	V5 - D1	
13	1 vs. 4	森本, 凌成 vs. 村田, 煌冴	D1 - V5	
14	5 vs. 2	平野, 陽丈 vs. 本岡, 瑛翔	D3 - V5	
15	3 vs. 6	早野, 翔貴 vs. 高橋, 希	D4 - V5	

Referee: _____ Scorekeeper: _____

第36回西日本フェンシング選手権大会
 Cadet Men's Foil
 Round #1
 2024/02/11

Pool # 8	Strip #	Time	Referee(s)
--------------------	---------	------	------------



Pool ID #370

		1	2	3	4	5	6	V	TS	TR	Ind	PI
村瀬, 誠二郎 県立羽島北高校	1		D1	D1	D0	D1	V5	1	8	20	-12	5
田内, 颯斗 はしまアFC	2	V5		V5	V5	V5	V5	5	25	6	+19	1
中尾, 太一 松江FC	3	V5	D1		D1	V5	V5	3	17	13	+4	3
飯村, 要 龍谷大学付属平安高校・中学校	4	V5	D3	V5		V5	V5	4	23	9	+14	2
椿, 流空 広瀬町FC	5	V5	D0	D2	D3		V5	2	15	17	-2	4
上田, 蒼人 徳島文理	6	D0	D1	D0	D0	D1		0	2	25	-23	6

Standard bout order (15 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 2	村瀬, 誠二郎 vs. 田内, 颯斗	D1 - V5	
2	4 vs. 3	飯村, 要 vs. 中尾, 太一	V5 - D1	
3	6 vs. 5	上田, 蒼人 vs. 椿, 流空	D1 - V5	
4	3 vs. 1	中尾, 太一 vs. 村瀬, 誠二郎	V5 - D1	
5	2 vs. 6	田内, 颯斗 vs. 上田, 蒼人	V5 - D1	
6	5 vs. 4	椿, 流空 vs. 飯村, 要	D3 - V5	
7	1 vs. 6	村瀬, 誠二郎 vs. 上田, 蒼人	V5 - D0	
8	3 vs. 5	中尾, 太一 vs. 椿, 流空	V5 - D2	
9	4 vs. 2	飯村, 要 vs. 田内, 颯斗	D3 - V5	
10	5 vs. 1	椿, 流空 vs. 村瀬, 誠二郎	V5 - D1	
11	6 vs. 4	上田, 蒼人 vs. 飯村, 要	D0 - V5	
12	2 vs. 3	田内, 颯斗 vs. 中尾, 太一	V5 - D1	
13	1 vs. 4	村瀬, 誠二郎 vs. 飯村, 要	D0 - V5	
14	5 vs. 2	椿, 流空 vs. 田内, 颯斗	D0 - V5	
15	3 vs. 6	中尾, 太一 vs. 上田, 蒼人	V5 - D0	

Referee: _____ Scorekeeper: _____

Pool # 9	Strip #	Time	Referee(s)
--------------------	---------	------	------------



Pool ID #371

		1	2	3	4	5	6	V	TS	TR	Ind	PI
吉川, 幸太郎 日体C	1		D0	D0	D0	V5	D0	1	5	23	-18	5
田島, 健裕 大阪読売千里C	2	V5		D1	V5	V5	V5	4	21	6	+15	2
佐伯, 真 沼田FC	3	V5	V2		V5	V5	V5	5	22	7	+15	1
佐野, 令 エスコラピオス学園海星中学校	4	V5	D2	D2		V5	D0	2	14	18	-4	4
藤林, 唯信 龍谷大学付属平安高校・中学校	5	D3	D2	D0	D3		D0	0	8	25	-17	6
坪上, 魁里 HAIKU FENCING	6	V5	D0	D4	V5	V5		3	19	10	+9	3

Standard bout order (15 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 2	吉川, 幸太郎 vs. 田島, 健裕	D0 - V5	
2	4 vs. 3	佐野, 令 vs. 佐伯, 真	D2 - V5	
3	6 vs. 5	坪上, 魁里 vs. 藤林, 唯信	V5 - D0	
4	3 vs. 1	佐伯, 真 vs. 吉川, 幸太郎	V5 - D0	
5	2 vs. 6	田島, 健裕 vs. 坪上, 魁里	V5 - D0	
6	5 vs. 4	藤林, 唯信 vs. 佐野, 令	D3 - V5	
7	1 vs. 6	吉川, 幸太郎 vs. 坪上, 魁里	D0 - V5	
8	3 vs. 5	佐伯, 真 vs. 藤林, 唯信	V5 - D0	
9	4 vs. 2	佐野, 令 vs. 田島, 健裕	D2 - V5	
10	5 vs. 1	藤林, 唯信 vs. 吉川, 幸太郎	D3 - V5	
11	6 vs. 4	坪上, 魁里 vs. 佐野, 令	V5 - D0	
12	2 vs. 3	田島, 健裕 vs. 佐伯, 真	D1 - V2	
13	1 vs. 4	吉川, 幸太郎 vs. 佐野, 令	D0 - V5	
14	5 vs. 2	藤林, 唯信 vs. 田島, 健裕	D2 - V5	
15	3 vs. 6	佐伯, 真 vs. 坪上, 魁里	V5 - D4	

Referee: _____ Scorekeeper: _____

Pool # 10	Strip #	Time	Referee(s)
---------------------	---------	------	------------



Pool ID #372

		1	2	3	4	5	6	V	TS	TR	Ind	PI
崎山, 斗貴 県立向陽中・高校	1		V5	V5	D1	D2	D1	2	14	20	-6	4
宮谷, 侑京 龍谷大学付属平安高校・中学校	2	D2		V5	D0	D3	D0	1	10	23	-13	5
藤原, 康太 エスコラピオス学園海星中学校	3	D3	D3		D0	D0	D3	0	9	25	-16	6
川, 巧汰 県立高松北中学校	4	V5	V5	V5		V5	V5	5	25	4	+21	1
山下, 直太朗 東かがわJR.FC	5	V5	V5	V5	D3		D1	3	19	15	+4	3
中澤, 楓大 和歌山JR.FC	6	V5	V5	V5	D0	V5		4	20	10	+10	2

Standard bout order (15 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 2	崎山, 斗貴 vs. 宮谷, 侑京	V5 - D2	
2	4 vs. 3	川, 巧汰 vs. 藤原, 康太	V5 - D0	
3	6 vs. 5	中澤, 楓大 vs. 山下, 直太朗	V5 - D1	
4	3 vs. 1	藤原, 康太 vs. 崎山, 斗貴	D3 - V5	
5	2 vs. 6	宮谷, 侑京 vs. 中澤, 楓大	D0 - V5	
6	5 vs. 4	山下, 直太朗 vs. 川, 巧汰	D3 - V5	
7	1 vs. 6	崎山, 斗貴 vs. 中澤, 楓大	D1 - V5	
8	3 vs. 5	藤原, 康太 vs. 山下, 直太朗	D0 - V5	
9	4 vs. 2	川, 巧汰 vs. 宮谷, 侑京	V5 - D0	
10	5 vs. 1	山下, 直太朗 vs. 崎山, 斗貴	V5 - D2	
11	6 vs. 4	中澤, 楓大 vs. 川, 巧汰	D0 - V5	
12	2 vs. 3	宮谷, 侑京 vs. 藤原, 康太	V5 - D3	
13	1 vs. 4	崎山, 斗貴 vs. 川, 巧汰	D1 - V5	
14	5 vs. 2	山下, 直太朗 vs. 宮谷, 侑京	V5 - D3	
15	3 vs. 6	藤原, 康太 vs. 中澤, 楓大	D3 - V5	

Referee: _____ Scorekeeper: _____

Pool # 11	Strip #	Time	Referee(s)
---------------------	---------	------	------------



Pool ID #373

		1	2	3	4	5	6	V	TS	TR	Ind	PI
吉田, 朝陽 和歌山J.R.F.C	1		D4	D0	D0	D0	D1	0	5	25	-20	6
小川, 維月 松江FC	2	V5		D0	D2	D1	D1	1	9	24	-15	5
山田, 悠太朗 はしまアFC	3	V5	V5		D2	V5	D2	3	19	14	+5	3
内田, 怜旺 エスコラピオス学園海星中学校	4	V5	V5	V5		V5	V5	5	25	6	+19	1
太田, 幸輝 徳島文理	5	V5	V5	D4	D0		D1	2	15	16	-1	4
丁, 致懐 明石J.R.F.C	6	V5	V5	V5	D2	V5		4	22	10	+12	2

Standard bout order (15 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 2	吉田, 朝陽 vs. 小川, 維月	D4 - V5	
2	4 vs. 3	内田, 怜旺 vs. 山田, 悠太朗	V5 - D2	
3	6 vs. 5	丁, 致懐 vs. 太田, 幸輝	V5 - D1	
4	3 vs. 1	山田, 悠太朗 vs. 吉田, 朝陽	V5 - D0	
5	2 vs. 6	小川, 維月 vs. 丁, 致懐	D1 - V5	
6	5 vs. 4	太田, 幸輝 vs. 内田, 怜旺	D0 - V5	
7	1 vs. 6	吉田, 朝陽 vs. 丁, 致懐	D1 - V5	
8	3 vs. 5	山田, 悠太朗 vs. 太田, 幸輝	V5 - D4	
9	4 vs. 2	内田, 怜旺 vs. 小川, 維月	V5 - D2	
10	5 vs. 1	太田, 幸輝 vs. 吉田, 朝陽	V5 - D0	
11	6 vs. 4	丁, 致懐 vs. 内田, 怜旺	D2 - V5	
12	2 vs. 3	小川, 維月 vs. 山田, 悠太朗	D0 - V5	
13	1 vs. 4	吉田, 朝陽 vs. 内田, 怜旺	D0 - V5	
14	5 vs. 2	太田, 幸輝 vs. 小川, 維月	V5 - D1	
15	3 vs. 6	山田, 悠太朗 vs. 丁, 致懐	D2 - V5	

Referee: _____ Scorekeeper: _____

Pool # 12	Strip #	Time	Referee(s)
---------------------	---------	------	------------



Pool ID #374

		1	2	3	4	5	6	V	TS	TR	Ind	PI
八木, 孝樹 龍谷大学付属平安高校・中学校	1		D0	D3	D3	D2	D0	0	8	25	-17	6
横田, 琳太郎 エスコラピオス学園海星中学校	2	V5		D4	V5	D2	V5	3	21	12	+9	2
吉田, 侑世 和歌山北高校	3	V5	V5		D2	V5	D1	3	18	21	-3	4
呉, 致遠 明石JR.FC	4	V5	D1	V5		D0	D1	2	12	20	-8	5
山下, 翔生 はしまモアFC	5	V5	V5	D4	V5		V5	4	24	9	+15	1
丸山, 凜太郎 県立向陽中・高校	6	V5	D1	V5	V5	D0		3	16	12	+4	3

Standard bout order (15 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 2	八木, 孝樹 vs. 横田, 琳太郎	D0 - V5	
2	4 vs. 3	呉, 致遠 vs. 吉田, 侑世	V5 - D2	
3	6 vs. 5	丸山, 凜太郎 vs. 山下, 翔生	D0 - V5	
4	3 vs. 1	吉田, 侑世 vs. 八木, 孝樹	V5 - D3	
5	2 vs. 6	横田, 琳太郎 vs. 丸山, 凜太郎	V5 - D1	
6	5 vs. 4	山下, 翔生 vs. 呉, 致遠	V5 - D0	
7	1 vs. 6	八木, 孝樹 vs. 丸山, 凜太郎	D0 - V5	
8	3 vs. 5	吉田, 侑世 vs. 山下, 翔生	V5 - D4	
9	4 vs. 2	呉, 致遠 vs. 横田, 琳太郎	D1 - V5	
10	5 vs. 1	山下, 翔生 vs. 八木, 孝樹	V5 - D2	
11	6 vs. 4	丸山, 凜太郎 vs. 呉, 致遠	V5 - D1	
12	2 vs. 3	横田, 琳太郎 vs. 吉田, 侑世	D4 - V5	
13	1 vs. 4	八木, 孝樹 vs. 呉, 致遠	D3 - V5	
14	5 vs. 2	山下, 翔生 vs. 横田, 琳太郎	V5 - D2	
15	3 vs. 6	吉田, 侑世 vs. 丸山, 凜太郎	D1 - V5	

Referee: _____ Scorekeeper: _____